

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

HỒ CHÍ MINH

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

PHẠM QUỲNH TRANG

**VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM
BÁO TRUYỀN HÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ BÁO CHÍ HỌC

Chuyên ngành : Báo chí học

Mã số : 9 32 01 01

Hà Nội, năm 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

**Người hướng dẫn khoa học: 1. GS, TS. Tạ Ngọc Tấn
2. TS. Vũ Thị Thu Quyên**

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Vào hồigiờ ngày tháng năm 2025**

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Báo chí và Tuyên truyền**

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong hệ thống quyền con người được ghi nhận và bảo đảm ở cả bình diện quốc tế và quốc gia, quyền riêng tư là một quyền thiết yếu, gắn liền với nhân phẩm và sự tự chủ cá nhân. Quyền này có vị trí đặc biệt quan trọng không chỉ trong các văn kiện pháp lý quốc tế như Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền (1948), Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (1966) mà còn trong chính hệ thống pháp luật Việt Nam. Cùng với quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng và yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, việc tôn trọng và bảo vệ quyền con người, trong đó có quyền riêng tư, đã và đang trở thành nguyên tắc hiến định và là định hướng xuyên suốt trong hoạch định chính sách, pháp luật, đặc biệt trong lĩnh vực báo chí và truyền thông.

Hiến pháp năm 2013, văn kiện có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật Việt Nam, đã lần đầu tiên quy định đầy đủ về quyền riêng tư tại Điều 21, khẳng định tính bất khả xâm phạm của đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình. Đây là bước tiến có ý nghĩa không chỉ về mặt pháp lý mà còn thể hiện sự phát triển nhận thức về quyền con người trong điều kiện chính trị - xã hội cụ thể của Việt Nam. Luật Báo chí năm 2016, tiếp nối tinh thần của Hiến pháp, đã quy định rõ ràng rằng báo chí không được đăng, phát thông tin xâm phạm đời tư cá nhân nếu không có sự đồng ý, trừ trường hợp vì lợi ích công cộng. Tuy nhiên, các quy định hiện hành mới chỉ dừng lại ở mức nguyên tắc, còn thiếu những hướng dẫn cụ thể để áp dụng trong thực tiễn sản xuất báo chí, đặc biệt là báo chí truyền hình, lĩnh vực có đặc trưng nội dung, hình thức thể hiện và quy trình sản xuất riêng biệt, phức tạp hơn các loại hình báo chí khác.

Truyền hình là loại hình báo chí có sức lan tỏa lớn, tác động mạnh mẽ tới công chúng thông qua ngôn ngữ hình ảnh và âm thanh. Chính đặc điểm trực quan sinh động đó vừa là ưu thế, vừa là thách thức trong việc đảm bảo tôn trọng quyền riêng tư. Một chi tiết hình ảnh hoặc một chi tiết được ghi nhận trong chương trình truyền hình có thể tạo ra ảnh hưởng xã hội sâu rộng, nhất là trong điều kiện phát sóng rộng rãi trên nhiều nền tảng. Sức lan truyền này khiến hậu quả từ việc xâm phạm quyền riêng tư nếu xảy ra không chỉ giới hạn trong không gian truyền hình truyền thống, mà còn mở rộng ra toàn bộ không gian truyền thông số. Trong bối cảnh công nghệ truyền thông kỹ thuật số phát triển, nội dung truyền hình không còn được kiểm soát trong khuôn khổ phát sóng truyền thống mà các sản phẩm sau khi phát sóng thường được đưa lên các nền tảng số, có thể bị trích xuất, chỉnh sửa, lan truyền với mục đích ngoài ý muốn ban đầu. Trong nhiều trường hợp, hình ảnh cá nhân, phát ngôn riêng tư hoặc thậm chí những cảnh quay vô tình cũng có thể trở thành đề tài bàn luận, chỉ trích hoặc làm tổn thương nhân vật mà không có cơ chế pháp lý hiệu quả để yêu cầu khắc phục. Trong thực tiễn báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay đã xuất hiện không ít sản phẩm có dấu hiệu xâm phạm quyền riêng tư của nhân vật được phản ánh. Đặc biệt, các chương trình truyền hình thực tế, tin tức thời sự, talkshow khai thác nhiều về đời sống cá nhân, hoàn cảnh gia

đình, câu chuyện xúc động của người dân đã vô tình (hoặc có khi là cố ý) vi phạm nguyên tắc tôn trọng quyền riêng tư.

Dưới góc nhìn xã hội - văn hóa, Việt Nam là quốc gia Á Đông với truyền thống trọng cộng đồng, coi trọng tập thể, gắn kết xã hội cao, thường không phân định rạch ròi giữa đời sống cá nhân và đời sống xã hội. Trong nhiều mối quan hệ xã hội và báo chí- truyền thông, việc công khai thông tin cá nhân được coi là bình thường, ít bị xem là xâm phạm. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến nhận thức của công chúng mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến cách hành xử của người làm báo và người sản xuất chương trình truyền hình. Nhiều hành vi xâm phạm quyền riêng tư chưa được nhìn nhận một cách nghiêm túc, hoặc chưa được xử lý tương xứng với tác hại mà chúng gây ra. Việc người dân Việt Nam còn thiếu kỹ năng nhận diện và tự bảo vệ quyền riêng tư cũng góp phần làm gia tăng mức độ xâm phạm quyền này.

Từ thực tiễn đó, có thể khẳng định rằng vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay là một vấn đề phức tạp, nhiều chiều, liên quan chặt chẽ đến nhận thức xã hội, hệ thống pháp luật, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng tác nghiệp báo chí và đặc điểm riêng biệt của loại hình báo chí truyền hình. Mặc dù các quy định pháp lý đã có những tiến bộ đáng kể nhưng việc tổ chức thực thi, áp dụng trong sản xuất sản phẩm báo chí truyền hình và nâng cao đạo đức trong tác nghiệp báo chí vẫn còn nhiều hạn chế. Trong khi đó, các nghiên cứu chuyên sâu về quyền riêng tư trong môi trường truyền hình ở Việt Nam vẫn còn ít, đặc biệt là các nghiên cứu gắn với quy trình tổ chức sản xuất và bối cảnh văn hóa - xã hội cụ thể.

Xuất phát từ những lý do đó, tôi lựa chọn đề tài *"Vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay"* để thực hiện nghiên cứu luận án tiến sĩ. Đây là vấn đề có ý nghĩa lý luận và thực tiễn cấp thiết. Về mặt lý luận, nghiên cứu góp phần làm rõ khái niệm, phạm vi, tiêu chuẩn đạo đức và pháp lý của bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình. Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp cơ sở khoa học đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách, quy trình tác nghiệp và cơ chế giám sát, hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng sản phẩm báo chí truyền hình, bảo đảm sự cân bằng giữa quyền được thông tin và quyền được bảo vệ đời sống riêng tư trong bối cảnh truyền thông hiện đại.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là phân tích, đánh giá và làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, đề xuất các giải pháp khả thi nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình tổ chức sản xuất, đạo đức nghề nghiệp và cơ chế giám sát ở sản phẩm báo chí truyền hình theo hướng đảm bảo quyền riêng tư của cá nhân, phù hợp với yêu cầu phát triển báo chí hiện đại và tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích nghiên cứu trên, luận án tập trung thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, hệ thống hóa và phân tích các cơ sở lý luận về quyền riêng tư và việc bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động báo chí, đặc biệt là trong lĩnh vực báo chí truyền hình;

Thứ hai, khảo sát và đánh giá thực trạng bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay;

Thứ ba, chỉ ra những vấn đề tác động đến việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong báo chí truyền hình ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình, cụ thể là các chương trình thời sự. Đối tượng nghiên cứu trực tiếp là nội dung, hình thức thể hiện và quy trình sản xuất các sản phẩm truyền hình có khả năng tác động đến quyền riêng tư của nhân vật xuất hiện trên sóng truyền hình.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu một cách hệ thống các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình, lấy trọng tâm là chương trình thời sự – thể loại có tần suất phản ánh cao các vấn đề xã hội, thường xuyên khai thác hình ảnh và thông tin cá nhân trong nhiều hoàn cảnh. Đối tượng khảo sát trực tiếp là nội dung, hình thức thể hiện và quy trình sản xuất các sản phẩm truyền hình có khả năng ảnh hưởng đến quyền riêng tư, trong đó chú trọng hai thể loại chính là tin và phóng sự – các thể loại thường chịu áp lực thời gian, sản xuất nhanh, dễ phát sinh tình huống vi phạm đạo đức nghề nghiệp nếu thiếu kiểm soát.

Ba chương trình được lựa chọn khảo sát gồm: Chuyên động 24h (VTV), An ninh 24h (ANTV) và Thời sự 18h30 (HanoiTV), đại diện cho ba nhóm chủ thể báo chí: Trung ương, ngành và địa phương. Mỗi chương trình có cách tiếp cận khác nhau trong tổ chức sản xuất và xử lý thông tin cá nhân, phản ánh đa dạng thực tiễn trong bảo vệ quyền riêng tư trên truyền hình.

Khảo sát được thực hiện liên tục từ 01/01/2023 đến 31/12/2023, lựa chọn có chủ đích các bản tin phát sóng vào thứ Hai hằng tuần – thời điểm quan trọng trong định hướng dư luận. Tổng cộng 1.286 tác phẩm được phân tích, với tiêu chí chọn mẫu tập trung vào các tình huống có nguy cơ xâm phạm danh tính hoặc thông tin cá nhân. Thiết kế nghiên cứu bảo đảm tính đại diện, khách quan, góp phần cung cấp cơ sở khoa học cho việc đánh giá và đề xuất giải pháp bảo vệ quyền riêng tư trong báo chí truyền hình hiện đại.

4. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

Từ kết quả tổng quan hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, có thể nhận thấy rằng vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí

truyền hình là một chủ đề phức hợp, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố: từ khung pháp lý, chuẩn mực đạo đức báo chí, đến yếu tố văn hóa - chính trị, kỹ năng nghề nghiệp và đặc điểm loại hình báo chí. Trong khi nhiều nghiên cứu đã làm sáng tỏ khái niệm, nội dung và phạm vi quyền riêng tư thì việc áp dụng cụ thể các chuẩn mực đó trong bối cảnh báo chí truyền hình ở Việt Nam vẫn còn chưa được phân tích đầy đủ. Những khoảng trống nghiên cứu đã được xác định rõ trong chương tổng quan tài liệu, từ đó đặt nền tảng cho việc xác lập hệ thống câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu của luận án.

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để định hướng quá trình khảo sát, phân tích và xây dựng cơ sở lý luận - thực tiễn cho đề tài, luận án tập trung trả lời các câu hỏi nghiên cứu chính sau:

Câu hỏi 1: Quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình được hiểu và quy định như thế nào trong các hệ thống lý luận, pháp luật quốc tế và Việt Nam?

Câu hỏi 2: Những yếu tố nào đặc thù của loại hình báo chí truyền hình ảnh hưởng đến nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư cá nhân trong quá trình sản xuất và phát sóng chương trình?

Câu hỏi 3: Thực trạng bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay ra sao?

Câu hỏi 4: Các quy định pháp luật, quy chuẩn đạo đức và quy trình về tổ chức sản xuất sản phẩm truyền hình hiện nay có đảm bảo việc tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư nhân vật trong truyền hình hay không?

Câu hỏi 5: Cần có những giải pháp nào để tăng cường hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động sản xuất và phát sóng chương trình báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay?

4.2. Giả thuyết nghiên cứu

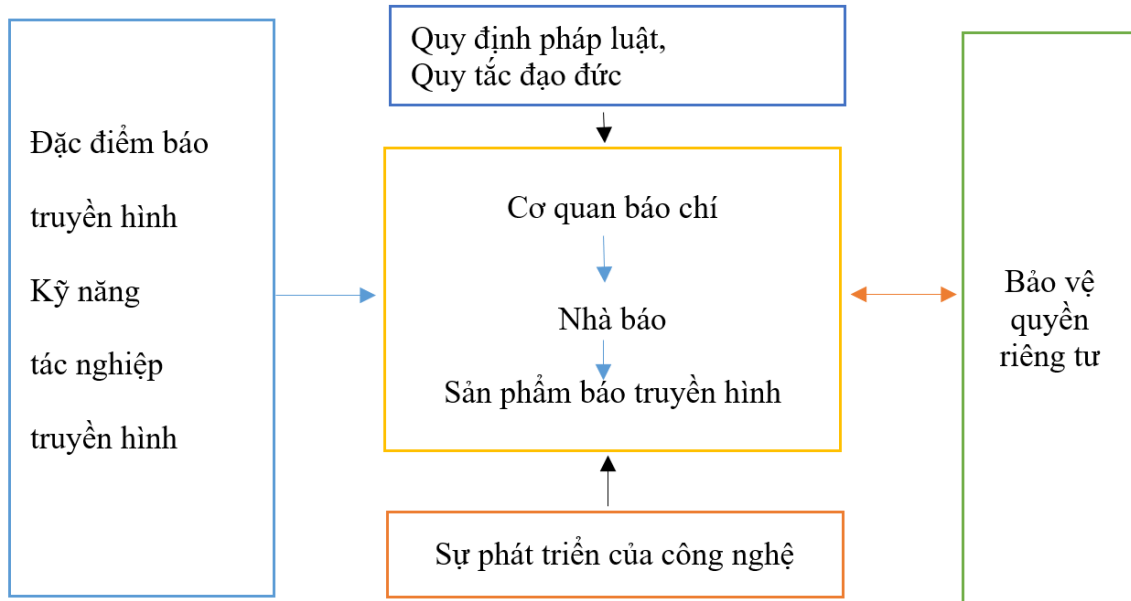
Trên cơ sở lý luận, thực tiễn và tổng quan tài liệu nghiên cứu, luận án xác định một số giả thuyết khoa học mang tính định hướng như sau:

Giả thuyết 1: Quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình được quy định trong lý luận và pháp luật nhưng chưa được cụ thể hóa rõ ràng và thống nhất trong thực tiễn Việt Nam.

Giả thuyết 2: Loại hình báo chí truyền hình, do đặc trưng ngôn ngữ hình ảnh - âm thanh và quy trình sản xuất mang tính tập thể nên có nguy cơ cao hơn trong việc xâm phạm quyền riêng tư so với các loại hình báo chí khác.

Giả thuyết 3: Việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay còn nhiều hạn chế do nhận thức chưa đầy đủ, kỹ năng tác nghiệp chưa chuẩn hóa và thiếu cơ chế thực thi hiệu quả.

5.5. Khung phân tích



6. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

6.1. Cơ sở lý luận

Luận án được xây dựng trên nền tảng các quan điểm lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người, về báo chí và vai trò của báo chí trong xã hội. Những quan điểm này, kết hợp với đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về quyền riêng tư và hoạt động báo chí, là cơ sở để xác định định hướng tiếp cận và đánh giá thực trạng bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay.

Bên cạnh đó, luận án lựa chọn và vận dụng các lý thuyết truyền thông, đạo đức học và quyền riêng tư hiện đại nhằm xây dựng khung lý luận khoa học và liên ngành. Các lý thuyết này cung cấp công cụ hữu ích để phân tích mối quan hệ giữa nhà báo - nhân vật - công chúng - cơ quan báo chí trong quá trình sản xuất và phát sóng các sản phẩm truyền hình có khả năng ảnh hưởng đến đời sống riêng tư của cá nhân. Cụ thể:

Thứ nhất, Lý thuyết kiểm soát quyền riêng tư (Right to Access and Limited Control - RALC) do Moor và James H. phát triển. Lý thuyết này cho rằng quyền riêng tư không phải là quyền kiểm soát tuyệt đối thông tin mà là quyền được lựa chọn mức độ truy cập vào thông tin cá nhân. RALC cung cấp khung lý thuyết ba tầng: (1) mô tả khái niệm quyền riêng tư, (2) biện minh về quyền này dưới góc độ đạo đức, và (3) thiết kế cơ chế kiểm soát hợp lý trong thực tiễn. Lý thuyết này giúp luận án làm rõ ranh giới giữa công khai và riêng tư trong sản phẩm truyền hình, đặc biệt là các chương trình thời sự thường sử dụng hình ảnh, thông tin của nhân vật. Lý thuyết này là công cụ nền tảng để đánh giá liệu hành vi của nhà báo có tôn trọng mức độ kiểm soát thông tin mà nhân vật mong muốn hay không.

Thứ hai, lý thuyết Quản lý quyền riêng tư trong giao tiếp giải thích cách mọi người quản lý việc tiết lộ thông tin riêng tư trong mối quan hệ với truyền thông. Lý thuyết này tập trung vào quá trình ra quyết định liên quan đến việc tiết lộ hoặc giữ kín thông tin, thông qua hệ thống quy tắc dựa trên văn hóa, giới tính, động cơ,

bối cảnh và tỷ lệ giữa rủi ro-lợi ích. Quản lý quyền riêng tư trong giao tiếp giúp lý giải cách nhà báo và nhân vật thỏa thuận cung cấp thông tin riêng tư trong các tình huống phỏng vấn, đưa tin. Qua đó, luận án có thể đánh giá mức độ tôn trọng hoặc xâm phạm quyền riêng tư trong từng bước của quy trình sản xuất, từ tiền kỳ đến hậu kỳ và vai trò của việc xin phép, đồng thuận của nhân vật.

Thứ ba, lý thuyết đóng khung (Framing Theory) của Erving Goffman tập trung vào cách con người tổ chức và hiểu xã hội thông qua các khung nhận thức (frames). Trong báo chí truyền hình, lý thuyết này giúp luận án phân tích các kỹ thuật dựng hình ảnh, lời bình, biên tập xử lý thông tin... có thể ảnh hưởng đến sự cảm nhận của khán giả về nhân vật, đặc biệt là trong các tình huống liên quan đến đời tư hoặc pháp luật. Việc “đóng khung” sai lệch có thể gián tiếp dẫn đến tổn hại danh dự hoặc bóp méo sự thật riêng tư.

Thứ tư, Lý thuyết Trách nhiệm xã hội của báo chí. Ra đời từ những năm 1950, lý thuyết này do nhóm tác giả Siebert, Peterson và Schramm phát triển, kế thừa tư tưởng từ Báo cáo Hutchins (1947). Lý thuyết cho rằng báo chí không chỉ có quyền tự do đưa tin mà còn phải thực hiện trách nhiệm xã hội, trong đó có nghĩa vụ cung cấp thông tin trung thực, khách quan, tôn trọng phẩm giá con người và bảo vệ lợi ích công cộng. Lý thuyết giúp luận án đánh giá mối quan hệ giữa tự do đưa tin và nghĩa vụ tôn trọng quyền riêng tư. Lý thuyết này là nền tảng để xây dựng chuẩn mực đạo đức trong xử lý thông tin nhạy cảm.

Thứ năm, Lý thuyết Đạo đức bốn phần. Lý thuyết này do triết gia Immanuel Kant khởi xướng, cho rằng đạo đức không dựa trên kết quả mà nằm ở nghĩa vụ và nguyên tắc luân lý. Theo đó, mỗi con người đều có giá trị riêng biệt và phải được tôn trọng như chính họ vốn có chứ không chỉ được nhìn nhận như một công cụ để phục vụ cho mục tiêu của người khác. Đây là cơ sở để luận án khẳng định rằng nhà báo có nghĩa vụ bảo vệ quyền riêng tư của mọi cá nhân, kể cả khi điều đó mâu thuẫn với nhu cầu thông tin của công chúng. Lý thuyết này đặc biệt phù hợp khi nghiên cứu các tình huống liên quan đến người yếu thế trong truyền hình..

Thứ sáu, Lý thuyết đạo đức đức hạnh. Được khởi nguồn từ triết học Aristotle, lý thuyết này nhấn mạnh vào việc hình thành phẩm chất đạo đức như can trọng, công bằng, trung thực, lòng nhân ái. Người đạo đức là người có khả năng cân nhắc và hành động đúng trong từng tình huống cụ thể. Lý thuyết này giúp luận án xem xét yếu tố phẩm chất cá nhân và năng lực đạo đức của nhà báo- yếu tố rất quan trọng trong môi trường truyền hình. Qua đó nhấn mạnh vai trò của đào tạo kỹ năng đạo đức và xây dựng chuẩn mực nghề nghiệp.

6.2. Phương pháp nghiên cứu

*** Phương pháp định lượng**

a. Thiết kế khảo sát và chọn mẫu

Luận án sử dụng bảng hỏi khảo sát trực tuyến (Google Forms) để thu thập dữ liệu định lượng về thực trạng nhận thức, hành vi và quan điểm của nhà báo truyền hình đối với vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí. Mục tiêu là phân tích mối quan hệ giữa các yếu tố nhân khẩu học, trình độ, kinh nghiệm với mức độ nhận thức và hành vi nghề nghiệp.

Mẫu khảo sát gồm 112 khách thể, là các nhà báo, phóng viên, biên tập viên đang công tác tại các cơ quan báo chí truyền hình Trung ương, ngành và địa phương như: Đài Truyền hình Việt Nam (VTV), Kênh Truyền hình Quốc phòng, Kênh Truyền hình Công an nhân dân (ANTV), Đài Phát thanh - Truyền hình Hà Nội và các đài địa phương khác.

Phương pháp chọn mẫu bao gồm:

- Chọn mẫu có chủ đích (purposive sampling) để đảm bảo đối tượng nghiên cứu phù hợp chuyên môn và lĩnh vực công tác.
- Phương pháp lấy mẫu dây chuyền (snowball sampling), theo đó các khách thể được giới thiệu thêm bởi đồng nghiệp nhằm mở rộng quy mô tiếp cận.

Tiêu chí lựa chọn gồm:

- Có kinh nghiệm làm việc trong truyền hình, cả nhà báo trẻ (dưới 5 năm) và nhà báo có thâm niên (trên 10 năm);
- Đang công tác trực tiếp trong lĩnh vực sản xuất các chương trình thời sự + Thu thập và xử lý dữ liệu

Bảng hỏi được gửi qua email và trực tiếp đến từng khách thể. Tất cả người tham gia được thông báo trước về mục đích nghiên cứu và cam kết bảo mật thông tin.

Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch, mã hóa và xử lý bằng phần mềm SPSS 26, sử dụng các kỹ thuật phân tích như:

- Thống kê mô tả: Tính trung bình, độ lệch chuẩn và tỷ lệ phần trăm để phản ánh đặc điểm mẫu và xu hướng nhận thức chung.
- Kiểm định tương quan Pearson: Đánh giá mối liên hệ giữa các biến độc lập (tuổi, cơ quan, kinh nghiệm...) với biến phụ thuộc (nhận thức về quyền riêng tư).
- Kiểm định Chi-Square: So sánh sự khác biệt về mức độ nhận thức giữa các nhóm nhà báo theo tiêu chí đào tạo hoặc vị trí công tác.

b. Phân tích nội dung chương trình truyền hình

Luận án tiến hành phân tích nội dung định lượng 1.286 tin, bài được phát sóng trong năm 2023 từ ba chương trình thời sự tiêu biểu:

- *Chuyến động 24h* - Đài Truyền hình Việt Nam (VTV)
- *An ninh 24h* - Kênh ANTV
- *Thời sự 18h30* - Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội

Nghiên cứu áp dụng phương pháp chọn mẫu có chủ đích tập trung vào những tin, bài có khả năng thể hiện rõ mức độ tôn trọng hoặc vi phạm quyền riêng tư. Tiêu chí chọn mẫu bao gồm: nội dung liên quan đến các nhóm chủ thể đặc biệt, sự kiện có yếu tố nhạy cảm, và những trường hợp có nguy cơ xâm phạm danh tính hoặc thông tin cá nhân trên truyền hình. Tổng cộng, có 1.286 tin, bài đã được mã hóa và phân tích. Quá trình khảo sát áp dụng phương pháp phân tích nội dung định lượng với bộ khung mã hóa (codeframe) được xây dựng xoay quanh ba tiêu chí chính liên quan đến bảo vệ quyền riêng tư: (1) mức độ làm mờ hình ảnh nhân vật, (2) mức độ che giấu danh tính, (3) việc sử dụng các kỹ thuật làm méo tiếng, che tên, cắt bỏ chi tiết nhạy cảm.

Dữ liệu được thống kê, so sánh giữa ba chương trình và tiến hành kiểm định bằng phép Chi-Square để xác định sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Việc khảo sát dựa trên các nguồn phát sóng chính thức, bao gồm các kênh truyền hình và trang web chính thức của các đơn vị.

*** Phương pháp định tính**

a. Phân tích tài liệu

- Phân tích tài liệu: Suu tầm, tổng hợp, hệ thống hóa các tài liệu, lý thuyết được đăng tải, công bố trên các phương tiện truyền thông đại chúng có liên quan đến vấn đề nghiên cứu. Các tài liệu có sẵn sẽ làm căn cứ để bổ sung, so sánh với kết quả nghiên cứu của luận án từ đó giúp tác giả có cái nhìn tổng quan, xác định được những nội dung đã được nghiên cứu trước đó cũng như khoảng trống của các nghiên cứu đi trước để hoàn thiện hơn nghiên cứu của mình.

b. Phỏng vấn sâu và chọn mẫu

Luận án tiến hành 8 cuộc phỏng vấn, chia làm ba nhóm đối tượng:

- Nhóm 1 (3 người): Lãnh đạo, quản lý phụ trách sản xuất chương trình và lãnh đạo cơ quan báo chí.
- Nhóm 2 (4 người): Phóng viên, biên tập viên đang trực tiếp tham gia sản xuất các chương trình truyền hình.
- Nhóm 3 (1 người): Chuyên gia trong lĩnh vực pháp luật.

Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 45-90 phút, được ghi âm, biên bản hóa và mã hóa nội dung theo các nhóm chủ đề: (1) nhận thức về quyền riêng tư; (2) quy trình bảo vệ quyền riêng tư trong tác nghiệp truyền hình; (3) mâu thuẫn giữa thông tin công chúng và đời tư nhân vật; (4) đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong truyền hình. Thông qua phương pháp phỏng vấn sâu, luận án thu được những góc nhìn chân thực từ chính người trong cuộc là các nhà báo và lãnh đạo cơ quan báo chí, góp phần bổ sung chiều sâu phân tích và kiểm chứng cho các giả thuyết nghiên cứu. Đồng thời, các ý kiến thu thập được còn đóng vai trò quan trọng trong việc đề xuất các giải pháp mang tính thực tiễn và khả thi cho việc nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình ở Việt Nam hiện nay.

c. Nghiên cứu trường hợp

Bên cạnh phương pháp phân tích nội dung định lượng, luận án còn áp dụng phương pháp nghiên cứu trường hợp để khảo sát chuyên sâu một số tình huống cụ thể có giá trị điển hình. Đây là những vụ việc được đồng thời phản ánh trong cả ba chương trình truyền hình được lựa chọn nghiên cứu: Chuyển động 24h, An ninh 24h và Thời sự 18h30. Những vụ việc này thường mang tính chất đặc biệt, thu hút sự quan tâm từ dư luận xã hội và đặt ra những mâu thuẫn về đạo đức nghề nghiệp, tính pháp lý, cũng như kỹ thuật xử lý thông tin, hình ảnh liên quan đến nhân vật trong các sản phẩm truyền hình.

Mỗi trường hợp được tiến hành theo ba nhóm tiêu chí cụ thể:

Thứ nhất, đánh giá mức độ bảo vệ thông tin cá nhân, bao gồm việc che tên, ẩn danh tính, che mờ hình ảnh, làm méo giọng nói, và tránh tiết lộ chi tiết dễ nhận diện.

Thứ hai, khảo sát kỹ thuật xử lý hình ảnh và âm thanh, bao gồm việc sử dụng hiệu ứng hậu kỳ để làm mờ khuôn mặt, thay đổi giọng, cũng như các biện pháp dựng hình nhằm tránh phơi bày danh tính hoặc chi tiết nhạy cảm.

Thứ ba, phân tích nội dung và cách thức trình bày bản tin, từ góc nhìn đạo đức nghề nghiệp: lựa chọn tiêu đề, lời dẫn, ngôn ngữ miêu tả, mức độ nhấn mạnh vào yếu tố cá nhân, và định hướng cảm xúc của khán giả đối với nhân vật.

Sau khi phân tích từng trường hợp riêng lẻ, tác giả tiến hành so sánh chéo giữa ba chương trình để xác định sự khác biệt hoặc tương đồng trong cách thức xử lý. Việc này không nhằm đưa ra nhận xét nhằm chỉ ra hướng tiếp cận khác nhau của từng cơ quan báo chí trong thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư. Kết quả từ phương pháp nghiên cứu trường hợp đóng vai trò bổ trợ và đối chiếu với các phát hiện thu được từ phân tích định lượng.

d. Thảo luận nhóm

Để khai thác sâu các quan điểm thực tiễn, kinh nghiệm chuyên môn và những tranh luận đa chiều về vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động báo chí truyền hình, luận án đã tổ chức một buổi thảo luận nhóm với sự tham gia của các nhà báo kỳ cựu và chuyên gia pháp lý. Đây là phương pháp định tính hiệu quả, phù hợp với các chủ đề có tính tranh luận, đòi hỏi sự đối thoại, phản biện và kiến giải từ nhiều chiều tiếp cận. Buổi thảo luận được tổ chức vào ngày 18/11/2024 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền với sự tham gia của ba khách mời đại diện cho hai góc độ chuyên môn: 01 phóng viên VTV24 chuyên sản xuất các tác phẩm phóng sự phản ánh vấn đề xã hội; 01 phóng viên có nhiều kinh nghiệm của báo Dân Việt, người có nhiều tác phẩm phóng sự điều tra nổi tiếng; 01 khách mời là nguyên Thẩm phán TAND TP. Hà Nội, chuyên gia tư vấn pháp luật về quyền nhân thân và báo chí.

Cuộc thảo luận kéo dài 90 phút, chia thành bốn chủ đề trọng tâm: (1) Nhận thức và quan điểm về quyền riêng tư; (2) Nguyên tắc và kinh nghiệm bảo vệ quyền riêng tư trong tác nghiệp báo chí; (3) Mâu thuẫn giữa luật pháp, đạo đức và thực tiễn truyền hình; (4) Cách nhà báo cân bằng giữa chất lượng tác phẩm và nghĩa vụ bảo vệ nhân vật. Thông tin thảo luận được ghi âm, viết biên bản và tổng hợp phân tích theo phương pháp ma trận SWOT. Kết quả từ thảo luận nhóm không chỉ làm rõ tính phức tạp của quyền riêng tư trong môi trường báo chí truyền hình mà còn cho thấy ranh giới giữa đúng - sai không chỉ nằm ở pháp luật mà còn nằm ở sự nhạy cảm nghề nghiệp, bản lĩnh đạo đức và cảm quan xã hội của nhà báo. Những luận điểm này giúp luận án hoàn thiện các phần phân tích, đồng thời cung cấp nền tảng thực tiễn cho việc xây dựng các giải pháp trong Chương 4.

7. Những đóng góp của luận án

Một là, luận án là công trình khoa học đầu tiên nghiên cứu một cách tương đối toàn diện các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến việc thực hiện và bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình. Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng khái niệm quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình và phân tích rõ nội hàm của khái niệm này.

Hai là, luận án đã đề xuất và phân tích các khía cạnh, cách thức thực hiện quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình, đồng thời khái quát hóa nội dung, xác định giới hạn của quyền riêng tư và hệ thống hóa các yêu cầu đặt ra đối với việc bảo vệ quyền riêng tư trong quá trình sản xuất tác phẩm truyền hình.

Ba là, luận án tiến hành khảo sát thực tế đối với ba chương trình truyền hình tiêu biểu (Chuyên động 24h, An ninh 24h, Thời sự 18h30), qua đó đánh giá một cách khách quan, toàn diện thực trạng bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay.

Bốn là, luận án đã chỉ ra các vấn đề đang đặt ra và ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình, đồng thời đề xuất hệ thống giải pháp mang tính khả thi, có cơ sở khoa học và tính mới, nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình Việt Nam trong thời gian tới. Ngoài ra, luận án còn xây dựng bộ quy tắc hướng dẫn cụ thể việc bảo vệ quyền riêng tư trong thực tiễn hoạt động báo chí truyền hình, góp phần hoàn thiện hơn bộ quy tắc trong thực tiễn hoạt động báo chí.

8. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Về lý luận: Luận án góp phần làm phong phú thêm những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền riêng tư nói chung, bảo vệ quyền riêng tư trong sản xuất các tác phẩm truyền hình nói riêng.

- Về thực tiễn: Luận án cung cấp những thông tin có căn cứ khoa học và thực tiễn giúp đội ngũ nhà báo, phóng viên, các chủ thể sản xuất chương trình truyền hình, cán bộ quản lý, những người làm công tác nghiên cứu cũng như cá nhân liên quan có cái nhìn sâu sắc, toàn diện hơn về quyền riêng tư và những yêu cầu đối với việc sản xuất sản phẩm báo chí truyền hình nhằm bảo vệ quyền riêng tư của cá nhân. Trên cơ sở đó, luận án đóng góp tích cực vào việc nâng cao nhận thức của nhà báo, của công chúng về bảo vệ quyền riêng tư trên truyền hình ở Việt Nam hiện nay.

Luận án đồng thời là tài liệu tham khảo thiết thực đối với các nhà quản lý, phóng viên, biên tập viên tại các chương trình, kênh truyền hình và đài truyền hình; cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn ban đầu để các cơ quan báo chí xây dựng quy chuẩn nghề nghiệp và hoàn thiện yêu cầu đối với sản phẩm báo chí trong việc bảo vệ quyền riêng tư. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng làm phong phú thêm hệ thống tài liệu tham khảo phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ báo chí; đồng thời có giá trị ứng dụng trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền cũng như các cơ sở đào tạo chuyên ngành truyền hình, báo chí và truyền thông khác.

9. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, phụ lục, tài liệu tham khảo, luận án có kết cấu gồm 04 chương:

Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay

Chương 3: Vấn đề đặt ra và đề xuất giải pháp bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình.

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1. Các nghiên cứu về quyền riêng tư

Các công trình nghiên cứu về quyền riêng tư đã đề cập đến nhiều nội dung quan trọng, có thể phân chia thành ba nhóm vấn đề chính:

Thứ nhất, một số học giả nghiên cứu nguồn gốc khái niệm quyền riêng tư từ nền văn minh cổ đại. Các tài liệu dẫn chứng từ Kinh Thánh, triết học Hy Lạp và tư tưởng Khổng giáo để làm rõ nền tảng văn hóa – xã hội của sự phân biệt giữa cá nhân và cộng đồng.

Thứ hai, các công trình kinh điển từ thế kỷ XIX đã xác lập lý luận hiện đại về quyền riêng tư. Samuel D. Warren và Louis D. Brandeis với bài viết *The Right to Privacy* (1890) lần đầu tiên đưa ra khái niệm “quyền được để yên” – “the right to be let alone.” Hyman Gross trong *The Concept of Privacy* (1971) xem quyền riêng tư là điều kiện thiết yếu của cuộc sống xã hội. Charles Fried trong bài *Privacy* (Yale Law Journal, 1968) khẳng định quyền riêng tư là nền tảng của tình yêu, sự tin tưởng và tôn trọng. Alan F. Westin trong *Privacy and Freedom* (1967) xác định quyền kiểm soát thông tin cá nhân và phân loại quyền riêng tư thành bốn mức độ. Judith Jarvis Thomson trong bài *The Right to Privacy* (1975) phê phán khái niệm “được để yên” và mở rộng quyền riêng tư gắn với quyền sở hữu và tự chủ. Ruth Gavison trong *Privacy and the Limits of Law* (1980) hệ thống hóa quyền riêng tư thành ba yếu tố: bí mật, ẩn danh và cô lập, đồng thời chỉ ra giới hạn bảo vệ của pháp luật. Raymond Wacks trong *Personal Information: Privacy and the Law* (1989) và *Privacy: A Very Short Introduction* (2010) khẳng định quyền riêng tư gắn liền với kiểm soát thông tin cá nhân và chỉ ra thách thức từ công nghệ và truyền thông hiện đại. Ông cũng phân tích cơ chế bảo vệ ở các hệ thống pháp luật khác nhau như Mỹ, Đức, Pháp, và các công ước quốc tế như UDHR, ICCPR, ECHR.

Thứ ba, các công trình tập trung phân tích nội dung, phạm vi và cơ chế bảo vệ quyền riêng tư trong pháp luật quốc tế và quốc gia. Diggelmann & Cleis với bài *How the Right to Privacy Became a Human Right* (2014) chỉ ra quyền riêng tư được quốc tế hóa trước khi được quốc gia hóa, đây một hiện tượng hiếm thấy. Hans-Joachim Cremer trong *Human Rights and the Protection of Privacy in Tort Law* (2010) so sánh pháp luật Anh và Đức, nhấn mạnh nguyên lý tác động gián tiếp giữa các chủ thể tư nhân và vai trò của án lệ Campbell kiện MGN (Anh). Stig Strömholm trong *Right of Privacy and Rights of the Personality* (1984) phân tích không gian riêng tư, hành vi xâm phạm và các biện pháp khắc phục. David Banisar & Simon Davies trong *Privacy and Human Rights: An International Survey of Privacy Laws and Developments* (2006) khảo sát hơn 50 quốc gia, xác định các nguy cơ như toàn cầu hóa và giám sát điện tử. Eliza Watt trong *State Sponsored Cyber Surveillance: The Right to Privacy of Communications and International Law* (2020) phân tích vi phạm quyền riêng tư bởi chương trình giám sát kỹ thuật số của nhà nước. Khurram Mohsin & Zafarullah Khan trong bài *Right to Privacy in Digital Era* (2019) phân loại quyền riêng tư thành bốn khía cạnh và cảnh báo nguy cơ từ việc lưu dấu kỹ thuật số trên Internet. Girish Agarwal trong *Civilian Drones, Visual Privacy and EU Human Rights Law* (2021) nghiên cứu về quyền riêng tư

hình ảnh trước sự phát triển của drone dân sự. Maria Grazia Porcedda trong *Cybersecurity, Privacy and Data Protection in EU Law* (2018) xây dựng khung lý thuyết về mối quan hệ giữa ba yếu tố trong luật pháp EU: an ninh mạng, quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Các nghiên cứu cũng đặc biệt chú trọng quyền riêng tư của nhóm yếu thế. UNICEF trong các báo cáo *State of the World's Children* (2017, 2020) kêu gọi bảo vệ dữ liệu trẻ em bằng nguyên tắc minh bạch và giới hạn mục đích. Julie Doughty, Lucy Reed & Paul Magrath trong *Transparency in the Family Courts: Publicity and Privacy in Practice* (2018) đề xuất xét xử kín và ẩn danh hóa nhằm cân bằng quyền công chúng và quyền cá nhân trong các vụ án liên quan đến trẻ em.

Tại Trung Quốc, Cao Jingchun trong bài viết *Bảo vệ quyền riêng tư ở Trung Quốc* (2005), Tong Rou (2004), và Wang Hao trong *Protecting Privacy in China* (2020) đều cho rằng cần xây dựng một khung pháp lý hiện đại và tương thích với tiêu chuẩn quốc tế, nhưng vẫn phù hợp với đặc điểm chính trị – văn hóa riêng của Trung Quốc.

Tại Việt Nam, các học giả tiếp cận quyền riêng tư dưới nhiều góc độ. Về triết học - chính trị, Tưởng Duy Kiên và Nguyễn Thanh Tuấn (2016) phân tích học thuyết của Karl Marx; Lại Thị Thanh Bình (2015) và Đồng Ngọc Dám (2017) nhấn mạnh tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người. Tào Thị Quyên (2018) và Phạm Huy Kỳ (2010) tiếp tục làm rõ mối quan hệ giữa cá nhân - xã hội trong đạo đức cách mạng. Trần Ngọc Thêm trong *Cơ sở văn hóa Việt Nam* (2001) phân tích văn hóa cộng đồng và lý giải nhận thức về quyền riêng tư trong văn hoá Việt Nam.

Về pháp lý, Lê Đình Nghị trong luận án tiến sĩ *Quyền bí mật đời tư theo pháp luật Việt Nam* (2015) đề xuất tách biệt quyền riêng tư như một quyền nhân thân độc lập. Phùng Trung Tập trong các bài viết (2014, 2016) chỉ ra pháp luật chỉ bảo vệ các yếu tố riêng lẻ. Nguyễn Thị Quế Anh và cộng sự trong chuyên khảo *Quyền về sự riêng tư* (2021) đề xuất xây dựng đạo luật riêng về quyền riêng tư. Nguyễn Đăng Dung & Nguyễn Đăng Duy (2021) nhấn mạnh sự cần thiết xác lập địa vị pháp lý độc lập cho quyền riêng tư. Chu Hồng Thanh (2019) phân tích bốn nhóm nội dung cấu thành quyền riêng tư. Trần Thị Diệu Hà trong bài *Bàn về khái niệm quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam* (2022) tổng hợp hệ thống quy định hiện hành và kiến nghị cần có định nghĩa thống nhất.

Hệ thống công trình nghiên cứu trên đã cung cấp nền tảng lý luận và pháp lý phong phú về quyền riêng tư từ nhiều góc tiếp cận. Tuy nhiên, các tài liệu cũng chỉ ra khoảng trống trong định nghĩa thống nhất, cơ chế bảo vệ hiệu quả, cũng như sự thích ứng của pháp luật với rủi ro mới từ công nghệ số.

2. Các nghiên cứu về truyền hình và sản phẩm báo chí truyền hình

Các công trình nghiên cứu trong lĩnh vực báo chí và truyền thông đã hình thành nền tảng lý luận và phương pháp luận cho việc tiếp cận sản phẩm báo chí truyền hình, đặc biệt trong bối cảnh truyền thông hiện đại. Tác giả Tạ Ngọc Tấn trong hai công trình *Truyền thông đại chúng* và *Cơ sở lý luận báo chí*, nghiên cứu những vấn đề cơ bản của truyền thông, mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và xã hội, đồng thời làm rõ đặc điểm loại hình và cơ chế vận hành thông tin đặc thù

của truyền hình. Ông cũng nhấn mạnh vai trò của đạo đức và pháp luật trong quá trình tác nghiệp và sản xuất thông điệp báo chí.

Tác giả Nguyễn Văn Dũng trong các tác phẩm *Truyền thông – Lý thuyết và kỹ năng cơ bản* và *Cơ sở lý luận báo chí*, tiếp cận báo chí như một hệ thống vận động trong môi trường xã hội, chính trị, cho thấy sự chuyển hóa chức năng và thể loại báo chí trong điều kiện truyền thông số. Tác giả Dương Xuân Sơn với công trình *Lý luận báo chí - truyền thông* cung cấp cái nhìn tổng quát từ lý luận đến thực tiễn hoạt động báo chí, nhấn mạnh vai trò đạo đức và kỹ năng nghiệp vụ của nhà báo trong hoạt động thông tin - truyền thông.

Ở nhóm nghiên cứu về thể loại, tác giả Nguyễn Thành Lợi và Phạm Minh Sơn trong *Thông tấn báo chí – Lý thuyết và kỹ năng* đã tập trung làm rõ cấu trúc, phương pháp biểu đạt và giá trị thông tấn, một nền tảng lý luận quan trọng cho thể loại tin, phóng sự truyền hình. Tác giả Nguyễn Quang Hòa trong *Phóng sự báo chí – Lý thuyết, kỹ năng, kinh nghiệm*, đưa ra cái nhìn toàn diện về phóng sự, từ lịch sử hình thành đến các quan điểm hiện đại. Ngoài ra tài liệu còn chỉ ra nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư do thiếu hụt về nhận thức và kinh nghiệm của người làm báo.

Ở nhóm công trình chuyên biệt về truyền hình, bộ sách *Tác phẩm báo chí truyền hình* của các tác giả Xvích, Cudonhetxốp và Vlurópxki đã hệ thống hóa vị trí, chức năng, thể loại và chuẩn mực đạo đức của truyền hình trong xã hội hiện đại. Tác giả Trần Bảo Khánh, trong *Sản xuất chương trình truyền hình* đã trình bày một cách khoa học quy trình sản xuất truyền hình, từ đặc điểm thể loại đến kỹ năng sáng tạo và tổ chức sản xuất chương trình. Tác giả Nguyễn Ngọc Oanh, qua các công trình *Chính luận truyền hình – Lý thuyết và kỹ năng sáng tạo tác phẩm* và *Phóng sự truyền hình* phân tích sâu về đặc điểm, kết cấu, kỹ năng và rủi ro đạo đức của các thể loại nhạy cảm như chính luận và phóng sự.

Ở nhóm công trình tiếp cận truyền hình trong môi trường truyền thông số, tác giả Bùi Chí Trung và Đinh Thị Xuân Hòa, trong cuốn *Truyền hình hiện đại – Những lát cắt 2015–2016*, đã chỉ ra quá trình chuyển đổi mô hình truyền hình tuyến tính sang nền tảng trực tuyến, đã nền tảng. Tác giả Lê Vũ Điệp, trong *Hệ sinh thái truyền hình*, đưa ra tiếp cận hệ thống với truyền hình như một hệ sinh thái, nơi mọi thành tố từ nguồn phát đến tiếp nhận đều tương tác và tác động qua lại, trong đó quyền riêng tư không còn là một khái niệm đơn lẻ mà là kết quả của toàn bộ quy trình sản xuất truyền hình.

Các công trình nghiên cứu đã cung cấp khung lý luận và thực tiễn có chiều sâu để xác định đặc trưng loại hình, quy trình tổ chức sản xuất và chuẩn mực về đạo đức và pháp lý của truyền hình. Đồng thời, chúng góp phần làm sáng tỏ những vấn đề mới nổi lên trong môi trường số, đặc biệt là yêu cầu trong việc bảo vệ quyền riêng tư của nhân vật trong sản phẩm báo chí truyền hình hiện nay.

3. Nghiên cứu về bảo vệ quyền riêng tư trong truyền thông, báo chí, báo chí truyền hình

Thứ nhất, nhóm công trình nghiên cứu về đạo đức báo chí và truyền thông: Cuốn *Image Ethics* của các tác giả Larry Gross, John Stuart Katz và Jay Ruby phân tích đạo đức hình ảnh trong truyền hình, tập trung vào quyền đồng thuận và quyền

riêng tư của nhân vật. Tác giả Sandra L. Borden trong sách *Journalism as Practice* cho rằng báo chí cần có đạo đức nghề nghiệp vững chắc để chống lại ảnh hưởng của thương mại hóa. Tác phẩm *Global Media Ethics and the Digital Revolution* do Nouredine Miladi biên tập đề cập đến các giá trị phổ quát như sự thật và nhân phẩm trong truyền thông số. Tác giả María Luengo và Susana Herrera-Damas trong sách *News Media Innovation Reconsidered* nhấn mạnh rằng đổi mới báo chí cần giữ gìn giá trị đạo đức. Tác giả Nguyễn Thị Trường Giang trong hai cuốn 100 bản quy tắc đạo đức nghề báo trên thế giới và Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo hệ thống hóa các nguyên tắc đạo đức, đặc biệt là tôn trọng quyền riêng tư và bảo vệ nhóm yếu thế. Tác giả Đỗ Đình Tấn trong sách *Báo chí lương tâm cảnh báo về ranh giới mong manh giữa quyền được thông tin và quyền riêng tư*. Tác giả Trần Bá Dung trong sách *Báo chí truyền thông: Những góc tiếp cận* đưa ra ví dụ cụ thể về sai phạm đạo đức khi xử lý thông tin cá nhân.

Thứ hai, Nghiên cứu về quyền riêng tư trong báo chí và truyền thông: Tác giả Caroline Kennedy và Ellen Alderman trong sách *The Right to Privacy* chỉ ra rằng truyền thông và công nghệ hiện đại đang đe dọa quyền riêng tư. Tác giả George Brock trong *The Right to be Forgotten* cho rằng báo chí đang chuyển sang vai trò khai thác dữ liệu cá nhân và cần điều chỉnh đạo đức nghề nghiệp. Tác giả Jeremy Iggers trong *Good News, Bad News* nhấn mạnh không thể hy sinh quyền riêng tư vì lợi ích công. Tác giả Andrew McStay trong *Privacy and the Media* định nghĩa quyền riêng tư là quyền kiểm soát thông tin về bản thân, và trong *Privacy and Philosophy* mở rộng nghiên cứu theo hướng triết học. Tác giả Chris Frost trong *Privacy and the News Media* phân tích luật và thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư trong báo chí ở Anh, Mỹ, châu Âu.

Thứ ba, nghiên cứu về chính sách và pháp luật bảo vệ quyền riêng tư: Tác giả Thái Thị Tuyết Dung trong sách *Quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư ở Việt Nam và một số quốc gia* phân tích mối quan hệ giữa hai quyền và đề xuất cách cân bằng trong pháp luật. Tác giả Phan Trung Hiền trong sách *Pháp luật về quyền tiếp cận thông tin ở Việt Nam* cho rằng cần xác định rõ đâu là thông tin công khai và đâu là thông tin cần được giữ kín. Tài liệu *Completion of the Law in Order to Protect the Right to Privacy in the Current Social Environment of Vietnam* của nhóm tác giả Nguyễn Thành Luân chỉ ra rằng khung pháp luật ở Việt Nam còn yếu, thiếu quy định chi tiết để bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường số. Báo cáo *Protecting Participants in TV and Radio Programmes* của Ofcom (Anh, 2017) đưa ra quy định rõ ràng để bảo vệ nhân vật trong chương trình truyền hình từ khâu tiền kỳ đến hậu kỳ. Cuốn *Giáo trình báo chí điều tra* của Đỗ Thị Thu Hằng lồng ghép các yêu cầu đạo đức khi tiếp cận nhân vật yếu thế trong tác phẩm điều tra.

Thứ tư, nghiên cứu chuyên biệt về quyền riêng tư của đối tượng yếu thế là trẻ em. Cuốn *Sổ tay phóng viên báo chí với trẻ em* (2000) và *Báo chí với trẻ em* (2004) do Khoa Báo chí – Học viện Báo chí và Tuyên truyền biên soạn, khuyến nghị nhà báo cần dùng kỹ thuật làm mờ, đổi giọng để bảo vệ danh tính trẻ em. Cuốn *Nhà báo với trẻ em – Kiến thức và kỹ năng* của tác giả Nguyễn Ngọc Oanh đề xuất cách tiếp cận trẻ em như chủ thể có quyền, không chỉ là đối tượng bị phản ánh.

3. Khoảng trống khoa học trong nghiên cứu hiện nay

Dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về quyền riêng tư trong truyền thông, nhưng vẫn còn những khoảng trống cần tiếp tục làm rõ.

Thứ nhất, đa phần tài liệu tiếp cận từ góc độ pháp lý, thiếu liên hệ cụ thể với hoạt động báo chí truyền hình.

Thứ hai, hiện chưa có công trình độc lập, hệ thống và chuyên sâu nào tại Việt Nam nghiên cứu toàn diện về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình.

Thứ ba, các nghiên cứu còn thiếu khảo sát thực nghiệm cụ thể như điều tra phóng viên hay phân tích nội dung chương trình.

Thứ tư, chưa có hệ thống tiêu chí phân loại các nhóm nhân vật dễ bị tổn thương, khiến quy trình xử lý thông tin còn cảm tính.

Thứ năm, các kỹ năng đặc thù của truyền hình như biên tập hình ảnh, kỹ xảo, lời bình chưa được nghiên cứu như yếu tố ảnh hưởng đến quyền riêng tư.

Từ đó, luận án cần xây dựng một nghiên cứu liên ngành, chuyên sâu và sát thực tiễn, góp phần hoàn thiện cơ sở lý luận, chính sách và quy trình tác nghiệp nhằm bảo vệ quyền riêng tư trong báo chí truyền hình tại Việt Nam.

4. Định hướng giải quyết khoảng trống trong luận án

Nhằm khắc phục những hạn chế trên, luận án "Vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay" xác định rõ các định hướng nghiên cứu trọng tâm:

Thứ nhất, hệ thống hóa lý luận về quyền riêng tư và bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình trên cơ sở kế thừa các thành tựu quốc tế và vận dụng sáng tạo trong điều kiện văn hóa - pháp lý Việt Nam.

Thứ hai, khảo sát thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư thông qua phân tích nội dung 1.286 tác phẩm truyền hình từ ba chương trình tiêu biểu (*Chuyến động 24h*, *An ninh 24h*, *Thời sự 18h30*), kết hợp với phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp và khảo sát nhận thức nghề nghiệp của phóng viên, biên tập viên truyền hình.

Thứ ba, đánh giá mức độ, hình thức và hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình; chỉ ra những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến vi phạm hoặc bảo vệ chưa đầy đủ.

Thứ tư, đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ, bao gồm hoàn thiện cơ sở pháp lý, xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp chuyên biệt cho báo chí truyền hình, đổi mới quy trình sản xuất và kiểm duyệt nội dung, đồng thời nâng cao nhận thức xã hội và trách nhiệm nghề nghiệp về quyền riêng tư trong hoạt động truyền thông đại chúng.

Với định hướng này, luận án không chỉ góp phần lấp đầy khoảng trống lý luận và thực tiễn hiện hữu, mà còn cung cấp cơ sở khoa học cho việc xây dựng một môi trường truyền thông chuyên nghiệp, nhân văn và tuân thủ quyền con người tại Việt Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH Ở VIỆT NAM

1.1. KHÁI NIỆM QUYỀN RIÊNG TƯ VÀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH

1.1.1. Khái niệm về quyền riêng tư và bảo vệ quyền riêng tư

1.1.1.1. Quan niệm về quyền riêng tư

+ Quyền riêng tư trên thế giới

+ Quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam

Như vậy, pháp luật Việt Nam đã có bước tiến trong việc bảo vệ quyền riêng tư nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện để phù hợp hơn với xu hướng phát triển toàn cầu và đặc thù văn hóa xã hội trong nước.

1.1.1.2. Khái niệm về quyền riêng tư

Từ việc phân tích các quan điểm trên, có thể đưa ra định nghĩa tổng hợp như sau: *Quyền riêng tư là quyền nhân thân của cá nhân đối với các yếu tố thuộc đời sống riêng tư được pháp luật công nhận và bảo vệ khỏi mọi hành vi tiếp cận, can thiệp hoặc công khai khi không có sự đồng ý của cá nhân hoặc không có quyết định hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền.*

1.1.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền riêng tư

bảo vệ quyền riêng tư là việc áp dụng các cơ chế, biện pháp pháp lý và xã hội nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý mọi hành vi tiếp cận, can thiệp hoặc công khai trái phép các yếu tố thuộc đời sống riêng tư của cá nhân.

Việc bảo vệ quyền riêng tư được thực hiện thông qua nhiều cơ chế như: cá nhân tự bảo vệ; yêu cầu can thiệp từ cơ quan có thẩm quyền và áp dụng các biện pháp như buộc chấm dứt hành vi vi phạm, cải chính, xin lỗi, bồi thường thiệt hại, hoặc hủy bỏ quyết định trái pháp luật.

1.1.2. Khái niệm báo truyền hình và sản phẩm báo truyền hình

1.1.2.1. Khái niệm báo truyền hình

Báo chí truyền hình, hay còn gọi là báo hình, là loại hình báo chí đặc thù sử dụng hình ảnh động làm phương tiện truyền tải chính, kết hợp âm thanh. Đây là loại hình báo chí trực quan, sinh động, phản ánh thông tin thời sự một cách trung thực, không hư cấu, không dàn dựng, được phát sóng thông qua các hạ tầng kỹ thuật hiện đại ứng dụng công nghệ truyền dẫn khác nhau.

1.1.2.2. Sản phẩm báo chí truyền hình

Sản phẩm báo chí truyền hình là kết quả hoàn chỉnh của quá trình tổ chức sản xuất nội dung truyền hình, sử dụng hình ảnh kết hợp âm thanh để phản ánh trung thực, sinh động đời sống xã hội và được phân phối qua các hạ tầng truyền dẫn truyền thống và số hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng đa dạng của công chúng.

1.1.3. Khái niệm bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình

Bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình là tổng thể các nguyên tắc, quy định và biện pháp pháp lý, kỹ thuật và đạo đức được áp dụng trong toàn bộ quy trình sản xuất, phát sóng chương trình truyền hình nhằm đảm bảo không xâm phạm đến đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và thông tin nhạy cảm của các cá nhân được phản ánh trong tác phẩm báo chí.

1.2. NỘI DUNG, CÁCH THỨC BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH

1.2.1. Nội dung bảo vệ của quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình

- + Bảo vệ quyền riêng tư về thông tin cá nhân
- + Bảo vệ quyền riêng tư về đời sống riêng tư, gia đình
- + Bảo vệ quyền riêng tư về hình ảnh

1.2.2. Chủ thể bảo vệ của quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình

+ *Bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình với chủ thể bình thường*

+ *Bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình với chủ thể đặc biệt cụ thể như: Người nổi tiếng; Bệnh nhân; Người liên quan đến pháp luật; Người chết; Nạn nhân; Trẻ em; Người LGBTI; Nhóm người dân tộc thiểu số, người nghèo, người vô gia cư, người khuyết tật.*

1.2.3. Cách thức bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình

1.2.3.1. Bảo vệ quyền riêng tư qua hình ảnh trong sản phẩm báo truyền hình

- + Các kỹ thuật quay phim bảo vệ quyền riêng tư:
- + Các kỹ thuật dựng bảo vệ quyền riêng tư

1.2.3.2. Bảo vệ quyền riêng tư qua âm thanh trong sản phẩm báo truyền hình

+ Lời bình trong sản phẩm báo truyền hình không cung cấp rõ thông tin của nhân vật

+ Lời bình trong sản phẩm báo truyền hình tập trung vào nội dung chính chứ không quá tập trung vào nhân vật

+ Tiếng nhân vật trong sản phẩm báo truyền hình được xử lý bằng kỹ thuật biến đổi giọng nói

- + Lựa chọn cách thể hiện tác phẩm

1.2.3.3. Bảo vệ quyền riêng tư qua các giai đoạn sản xuất truyền hình

1.3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI VIỆC BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH Ở VIỆT NAM

1.3.1. Cơ sở pháp lý về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam

- + Quy định về quyền riêng tư trong pháp luật trên thế giới
- + Quy định về quyền riêng tư trong pháp luật một số khu vực
- + Quy định về quyền riêng tư trong pháp luật một số quốc gia
- + Quy định về quyền riêng tư trong pháp luật Việt Nam

1.3.2. Yêu cầu đối với việc bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam

- + Bảo đảm nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền riêng tư như một quyền nhân thân bất khả xâm phạm.
- + Tuân thủ quy định pháp luật hiện hành và các quy định về đạo đức nghề nghiệp trong tác nghiệp báo chí.
- + Xác định rõ trách nhiệm pháp lý và đạo đức nghề nghiệp trong từng giai đoạn sản xuất sản phẩm truyền hình.
- + Áp dụng linh hoạt các kỹ thuật nghiệp vụ để bảo vệ quyền riêng tư mà vẫn đảm bảo hiệu quả truyền tải thông tin.
- + Bảo vệ quyền riêng tư phải được đặt trong mối quan hệ hài hòa với quyền được thông tin của công chúng và lợi ích công cộng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. GIỚI THIỆU VỀ CƠ QUAN BÁO CHÍ VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHẢO SÁT

“Chuyển động 24h” (VTV): là bản tin thời sự tổng hợp, phát sóng hàng ngày, do VTV Digital sản xuất. Chương trình có phong cách hiện đại, thường xuyên khai thác các vấn đề nóng trong xã hội gắn với hình ảnh, tên tuổi nhân vật cụ thể. Đây là sản phẩm tiêu biểu để đánh giá khả năng cân bằng giữa phản ánh sự thật và bảo vệ quyền riêng tư trong môi trường báo chí trung ương đa nền tảng.

“Thời sự 18h30” (HTV): là bản tin thời sự chính thống phản ánh tình hình chính trị, dân sinh, cải cách hành chính... tại Hà Nội. Với đặc điểm phản ánh sát thực các vấn đề đời sống đô thị, chương trình này thường sử dụng thông tin cá nhân cụ thể, từ đó là đối tượng phù hợp để khảo sát việc bảo vệ quyền riêng tư trong truyền hình địa phương.

“An ninh 24h” (ANTV): là chương trình chuyên đề về an ninh - trật tự, thường gắn với các thông tin nhạy cảm về nhân thân người vi phạm, người bị tố tụng. Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu giới hạn giữa quyền được biết của công chúng và quyền riêng tư cá nhân trong báo chí ngành công an.

2.2. THỰC TRẠNG NỘI DUNG, ĐỐI TƯỢNG, CÁCH THỨC BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.2.1. Thực trạng thực hiện nội dung bảo vệ quyền riêng tư

2.2.1.1. Bảo vệ thông tin cá nhân của nhân vật

Những thông tin cơ bản của nhân vật trong sản phẩm truyền hình

Những thông tin bí mật của nhân vật

Thông tin liên lạc, thư tín, điện thoại, điện tín

2.2.1.2. Bảo vệ quyền riêng tư về đời sống riêng tư, gia đình

Nơi làm việc/học tập và nghề nghiệp

Nơi ở

Thông tin, hình ảnh trên mạng xã hội

Tình trạng sức khỏe

Gia đình của nhân vật

2.2.1.3. Bảo vệ quyền riêng tư về hình ảnh

Khi nhân vật trong không gian công cộng

Khi nhân vật trong không gian bán công cộng

Khi nhân vật trong không gian riêng tư cá nhân

2.2.2. Thực trạng thực hiện các phương thức bảo vệ quyền riêng tư

2.2.2.1. Về hình ảnh

Sử dụng kỹ xảo

Sử dụng góc quay và kỹ thuật quay phim

Sử dụng đồ họa

2.2.2.2. Về âm thanh

Sử dụng kỹ thuật thay đổi giọng nói trong bảo vệ quyền riêng tư là một giải pháp cần thiết nhưng cần được áp dụng linh hoạt, phù hợp với từng bối cảnh. Việc kết hợp thay đổi giọng với các biện pháp xử lý hình ảnh và đồ họa khác, cùng với việc biên tập âm thanh, sẽ góp phần đảm bảo đồng thời tính chân thực, tính thuyết phục và yêu cầu bảo mật danh tính trong tác phẩm báo chí truyền hình hiện đại.

2.2.2.3. Về nội dung

Biên tập và xử lý thông tin trong tác phẩm truyền hình là một trong những biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ quyền riêng tư của nhân vật, đồng thời đảm bảo quyền được thông tin của công chúng. Các chương trình truyền hình tại Việt Nam, đặc biệt là các bản tin thời sự và chính luận, luôn đặt ra yêu cầu phải cân bằng giữa hai yếu tố này.

2.2.2.4. Về quy trình sản xuất

- Bảo vệ quyền riêng tư trong giai đoạn tiền kỳ
- Bảo vệ quyền riêng tư trong giai đoạn sản xuất
- Bảo vệ quyền riêng tư trong giai đoạn hậu kỳ sản xuất
- + Xử lý thông tin
 - + Xử lý hình ảnh, âm thanh
 - + Lưu trữ và sử dụng lại tư liệu

Từ thực tiễn trên, có thể thấy, nhận thức của nhà báo về quyền riêng tư trong lưu trữ và sử dụng lại tư liệu đã có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức độ thực hiện còn phụ thuộc lớn vào đặc thù nội dung chương trình, cơ chế kiểm soát nội bộ và quy định của từng cơ quan báo chí.

2.2.3. Các đối tượng được bảo vệ quyền riêng tư

2.2.3.1. Người dân bình thường

2.2.3.2. Các đối tượng đặc biệt

- + Trẻ em
- + Nạn nhân
- + Người LGBT
- + Bệnh nhân
- + Người liên quan đến pháp luật
- + Với vụ án hình sự:
 - + Nhóm người dân tộc thiểu số, người nghèo, người vô gia cư, người khuyết tật

2.3. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT VỀ VẤN ĐỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM TRUYỀN HÌNH

2.3.1. Ưu điểm và nguyên nhân

2.3.1.1. Ưu điểm

Một là, nhận thức rõ về tầm quan trọng của quyền riêng tư. Nhận thức về quyền

Hai là, xác định rõ căn cứ pháp lý, chuẩn mực đạo đức và thực tiễn nghề nghiệp cho việc bảo vệ quyền riêng tư.

Ba là, nhận thức đúng về kỹ thuật và biện pháp bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình

Bốn là, nhận thức đúng về trách nhiệm pháp lý và trách nhiệm đạo đức trong bảo vệ quyền riêng tư

Năm là, nhận thức đúng về vai trò hỗ trợ pháp lý nội bộ trong bảo vệ quyền riêng tư

Sáu là, nhận thức đúng về mối quan hệ giữa quyền riêng tư và quyền được thông tin của công chúng

2.3.1.2. Nguyên nhân của ưu điểm

Thứ nhất, nhận thức của đội ngũ nhà báo về quyền riêng tư chịu ảnh hưởng từ tiến trình hội nhập pháp lý và tiếp cận các chuẩn mực đạo đức báo chí quốc tế.

Thứ hai, hệ thống pháp luật Việt Nam về quyền riêng tư ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện để nhà báo có căn cứ rõ ràng trong quá trình tác nghiệp.

Thứ ba, vai trò tổ chức của cơ quan báo chí được phát huy thông qua việc xây dựng quy trình sản xuất, kiểm duyệt hậu kỳ và cơ chế tham vấn pháp lý nội bộ.

Thứ tư, kinh nghiệm thực tiễn trong xử lý thông tin nhạy cảm đã giúp nhà báo nâng cao kỹ năng và bản lĩnh tác nghiệp.

Thứ năm, các vụ việc tranh chấp và phản ứng tiêu cực từ công chúng đối với sản phẩm báo chí vi phạm quyền riêng tư đã tạo ra tác động ngược có tính chất điều chỉnh hành vi.

2.3.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.3.2.1. Hạn chế

Trong nhận thức của nhà báo

Trong thực tiễn sản xuất chương trình

2.3.2.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, nhận thức của nhà báo về phạm vi và mức độ nhạy cảm của các loại thông tin cá nhân vẫn còn chưa đầy đủ và thiếu nhất quán.

Thứ hai, một trong những nguyên nhân sâu xa là đánh giá chưa đầy đủ và đúng mực về tính lan toả khi tái sử dụng của thông tin cá nhân trong môi trường truyền thông số.

Thứ ba, về mặt tổ chức, việc chuẩn hoá quy trình sản xuất và cơ chế thống nhất trong ghi hình vẫn còn nhiều bất cập.

Thứ tư, sự thiếu đồng bộ trong áp dụng kỹ thuật bảo vệ quyền riêng tư giữa các nhóm sản xuất cũng là nguyên nhân gây ra các sai sót.

Thứ năm, việc chia sẻ và tái sử dụng tư liệu trong nội bộ chưa được kiểm soát chặt chẽ.

CHƯƠNG 3

VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH.

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH

- + Sự phát triển công nghệ và truyền thông trong bối cảnh hiện đại đặt ra thách thức trong việc bảo vệ quyền riêng tư.
- + Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện và chưa theo kịp thực tiễn bảo vệ quyền riêng tư trong truyền hình.
- + Hệ thống pháp luật còn thiếu các quy định cụ thể, đặc biệt trong xử lý vi phạm quyền riêng tư trên truyền hình.
- + Nhận thức chưa đầy đủ và thiếu thống nhất giữa nhà báo, cơ quan báo chí và công chúng về quyền riêng tư
- + Áp lực đưa tin và cạnh tranh thông tin cũng như thiếu sự hỗ trợ từ cơ quan báo chí.
- + Ý thức xã hội về quyền riêng tư còn hạn chế.

3.2. GIẢI PHÁP, KHUYẾN NGHỊ BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH

3.2.1. Giải pháp

- + Hoàn thiện pháp luật và chính sách liên quan đến quyền riêng tư
- + Xây dựng và thực thi quy trình tác nghiệp cụ thể trong các cơ quan báo chí
- + Tăng cường giáo dục pháp lý và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ nhà báo
- + Tăng cường cơ chế giám sát và phản hồi xã hội đối với nội dung truyền hình liên quan đến đời tư cá nhân
- + Nâng cao nhận thức và năng lực tự bảo vệ quyền riêng tư của công chúng

3.2.2. Khuyến nghị

- + Đối với Nhà nước và cơ quan lập pháp
- + Đối với cơ quan báo chí truyền hình
- + Đối với Hội Nhà báo Việt Nam
- + Đối với cơ sở đào tạo báo chí
- + Đối với công chúng
- + Đối với nhà báo - những người trực tiếp sản xuất sản phẩm báo chí truyền hình

3.3. ĐỀ XUẤT QUY ĐỊNH BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ TRONG SẢN PHẨM BÁO TRUYỀN HÌNH

3.3.1. Những nguyên tắc chung về bảo vệ quyền riêng tư

3.3.2. Quy tắc thu thập thông tin

3.3.3. Quy tắc xử lý và lưu trữ thông tin cá nhân

3.3.4. Quy tắc công bố và sử dụng thông tin trên sóng truyền hình

3.3.5. Quy tắc khi đưa tin về các nhóm đặc biệt

3.3.6. Trách nhiệm và xử lý vi phạm

KẾT LUẬN

Luận án “*Vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay*” được thực hiện nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận, khảo sát thực tiễn, chỉ ra những vấn đề đặt ra và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong hoạt động sản xuất báo chí truyền hình tại Việt Nam. Trên cơ sở tiếp cận tổng thể, luận án đã đạt được những kết quả chủ yếu sau:

Thứ nhất, về cơ sở lý luận, luận án đã tập trung làm rõ khái niệm, nội hàm, bản chất và ý nghĩa của quyền riêng tư cũng như bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình. Quyền riêng tư được luận giải trên nền tảng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, quyền con người; đồng thời tham chiếu tới hệ thống pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam. Luận án nhấn mạnh rằng, quyền riêng tư không chỉ là quyền nhân thân cơ bản, mà còn là nền tảng bảo đảm sự tự do cá nhân trong xã hội hiện đại. Đặc biệt, luận án đã chỉ ra các đặc trưng, phạm vi, giới hạn của quyền riêng tư, đồng thời xây dựng khái niệm bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình với sự gắn kết chặt chẽ giữa pháp lý, đạo đức báo chí và đặc thù hoạt động truyền hình.

Thứ hai, về khảo sát thực tiễn, luận án đã tiến hành khảo sát, phân tích 1.286 tác phẩm từ ba chương trình truyền hình tiêu biểu: Chuyển động 24h (VTV1), An ninh 24h (ANTV) và Thời sự 18h30 (HanoiTV), trong thời gian từ 01/01/2023 đến 31/12/2023. Qua phân tích định lượng và định tính, luận án đã nhận diện rõ mức độ bảo vệ quyền riêng tư trong thực tiễn sản xuất báo truyền hình ở Việt Nam hiện nay. Kết quả khảo sát cho thấy, dù các chương trình đều có ý thức về bảo vệ quyền riêng tư, song tình trạng vi phạm vẫn còn tồn tại, thể hiện qua việc khai thác chi tiết đời tư, sử dụng hình ảnh không che chắn, đưa thông tin nhận diện nhân vật nhạy cảm mà chưa có sự đồng ý. Ngoài ra, mức độ tuân thủ giữa các chương trình có sự chênh lệch nhất định, phụ thuộc vào đặc thù cơ quan báo chí, nhận thức đạo đức nghề nghiệp và áp lực thị trường.

Thứ ba, luận án đã chỉ ra các nguyên nhân chủ yếu dẫn đến thực trạng trên, bao gồm: sự thiếu đồng bộ trong hệ thống pháp luật và chuẩn mực đạo đức báo chí; khoảng trống trong hướng dẫn tác nghiệp cụ thể về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình; hạn chế về nhận thức nghề nghiệp và kỹ năng xử lý thông tin nhạy cảm của đội ngũ nhà báo; áp lực cạnh tranh về tốc độ và tính hấp dẫn của thông tin truyền hình trong bối cảnh truyền thông số.

Thứ tư, trên cơ sở lý luận và thực tiễn khảo sát, luận án đã đề xuất hệ thống giải pháp toàn diện nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo truyền hình, gồm: (1) Hoàn thiện hành lang pháp lý và xây dựng bộ quy tắc đạo đức nghề nghiệp chuyên biệt về quyền riêng tư trong truyền hình; (2) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nhận diện và xử lý tình huống liên quan đến quyền riêng tư cho đội ngũ phóng viên, biên tập viên truyền hình; (3) Đổi mới quy trình biên tập, kiểm duyệt nội dung, ứng dụng công nghệ trong kiểm soát hình ảnh, thông tin nhạy cảm; (4) Xây dựng văn hóa truyền thông tôn trọng quyền con người, nâng cao nhận thức xã hội về quyền riêng tư; (5) Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu

quả giữa cơ quan báo chí, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức xã hội trong giám sát, bảo vệ quyền riêng tư.

Thứ năm, luận án đã đưa ra một số khuyến nghị có giá trị ứng dụng cao, như xây dựng Bộ tiêu chí bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình, áp dụng thử nghiệm ở các đài truyền hình trung ương và địa phương; tổ chức các chương trình tập huấn chuyên sâu cho nhà báo về xử lý thông tin nhạy cảm; đồng thời, lồng ghép nội dung bảo vệ quyền riêng tư vào chương trình đào tạo báo chí truyền thông.

Những đóng góp chính của luận án

Luận án đã bổ sung, làm sâu sắc hơn cơ sở lý luận về quyền riêng tư và bảo vệ quyền riêng tư trong báo chí truyền hình Việt Nam; là công trình đầu tiên nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống, kết hợp phân tích lý luận với khảo sát thực tiễn trên quy mô rộng trong lĩnh vực này. Các kết quả nghiên cứu của luận án không chỉ góp phần hoàn thiện lý luận báo chí truyền hình mà còn có ý nghĩa thiết thực đối với công tác quản lý nhà nước về báo chí, hoạt động tác nghiệp báo chí và nâng cao nhận thức xã hội về quyền con người trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.

Những hạn chế của luận án

Bên cạnh những kết quả đạt được, luận án còn có những hạn chế nhất định. Thứ nhất, do giới hạn về thời gian và nguồn lực, khảo sát thực tế chủ yếu tập trung vào ba chương trình thời sự tiêu biểu, chưa mở rộng sang các thể loại khác như phóng sự điều tra, talkshow, gameshow, chương trình truyền hình thực tế... Thứ hai, trong phân tích nguyên nhân và đề xuất giải pháp, do tính phức tạp và nhạy cảm của đề tài, một số khuyến nghị cần tiếp tục được kiểm nghiệm thực tiễn để hoàn thiện thêm về tính khả thi và hiệu quả. Thứ ba, việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố đến vi phạm quyền riêng tư mới dừng ở mức mô tả thống kê, chưa triển khai các mô hình phân tích đa biến sâu hơn.

Định hướng phát triển tiếp theo:

Trong tương lai, nghiên cứu về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình có thể mở rộng theo các hướng sau:

Thứ nhất, nghiên cứu so sánh kinh nghiệm bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình giữa Việt Nam và một số quốc gia có nền báo chí phát triển để rút ra bài học áp dụng phù hợp.

Thứ hai, khảo sát chuyên sâu từng thể loại chương trình (điều tra, giải trí, gameshow) để nhận diện những đặc thù tác động đến quyền riêng tư.

Thứ ba, nghiên cứu tác động của công nghệ mới (AI, Deepfake, Big data...) đối với quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình.

Thứ tư, xây dựng và thử nghiệm tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp về quyền riêng tư trong tác nghiệp truyền hình tại một số cơ quan báo chí thí điểm.

Như vậy, vấn đề bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình không chỉ là yêu cầu cấp thiết nhằm bảo vệ quyền con người trong bối cảnh truyền thông hiện đại mà còn là thước đo đạo đức nghề nghiệp, uy tín xã hội của mỗi nhà báo và cơ quan báo chí trong thời đại số hóa hiện nay.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI

1. Phạm Quỳnh Trang, 2024, *Bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm báo chí truyền hình*, Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông, số tháng 11 năm 2024. Trang 45-49.
2. Phạm Quỳnh Trang, 2024, *Pháp luật Việt Nam về quyền riêng tư trên mạng xã hội*, Tham luận tại HTKHQG Văn hóa, đạo đức, pháp lý của nội dung truyền thông số trên MXH ở Việt Nam hiện nay.
3. Phạm Quỳnh Trang, 2024, Một số kinh nghiệm về bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình ở các nước trên thế giới, Tạp chí cộng sản, tháng 11/2024. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/trang-thong-tin-dia-phuong/-/2018/1077102/mot-so-kinh-nghiem-ve-bao-ve-quyen-rieng-tu-trong-san-pham-truyen-hinh-o-cac-nuoc-tren-the-gioi.aspx>
4. Phạm Quỳnh Trang, 2025, Giải pháp nâng cao nhận thức về quyền riêng tư trong bối cảnh truyền thông số, *Tạp chí cộng sản*, tháng 1/2025. <https://tapchicongsan.org.vn/web/guest/trang-thong-tin-dia-phuong/-/2018/1075502/giai-phap-nang-cao-nhan-thuc-ve-quyen-rieng-tu-trong--boi-canhh-chuyen-doi-so.aspx>
5. Phạm Quỳnh Trang, 2025, Bảo vệ quyền riêng tư trong sản phẩm truyền hình ở các nước trên thế giới - những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, *Tạp chí lý luận chính trị và truyền thông*. <https://lyluanchinhtrivatruyenthong.vn/bao-ve-quyen-rieng-tu-trong-san-pham-truyen-hinh-o-cac-nuoc-tren-the-gioi-nhung-bai-hoc-kinh-nghiem-cho-viet-nam-p29091.html>